

INTAKE FORM (Two Copies)
MAU DON VE LY-LICH

HỒ SƠ BỒ TÚC

NAME (Ten Tu-nhan) : NGUYỄN-ĐỀ
Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten gọi)

DATE, PLACE OF BIRTH :
(Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam) 1934
Thái Bình

SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): Nam Female (Nu):

MARITAL STATUS Single (Doc than): Married (Co lap gia dinh): Co
(Tinh trang gia dinh): 101 vợ 06 con

ADDRESS IN VIETNAM : Số nhà 579 Ấp Tân Thới 3, xã Tân Hiệp, huyện Hòa Mân T/P Hồ Chí Minh
(Dia chi tai Viet-Nam)

POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) Co No (Khong)

If Yes (Neu co): From (Tu): 29-04-1978 To (Den): 30-08-1983

PLACE OF RE-EDUCATION: 230/A Trại K3 K quân lực Việt Đồng Nai
CAMP (Trai tu)

PROFESSION (Nghe nghiep): Trại 30-A-75 Trại Bm S.E.G.E.B Sơn 30-A-75-Bm Sơn
(before 7 Trại Bm S.E.G.E.B Sơn 30-A-75-Bm Sơn, Lâm Rừng)

EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): Belmont VA 22060 USA từ ngày 20-02-69 đến 15-05-1969

VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): Trung tá

VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): Trưởng Bm S.E.G.E.B kiêm Địch liên
tại năm 1970 đến Date (nam): 1975

APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): Co
IV Number (So ho so): 521 là số của
No (Khong): gửi liên Bảo
Ngày 29-07-1986

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): 07 người
(Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi tie

MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): Số 579 Ấp Tân Thới 3 xã Tân Hiệp
Huyện Hòa Mân T/P Hồ Chí Minh

NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Ngươi Bao tro):

U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky): Yes (co): No (Khong):

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN):

NAME & SIGNATURE:

ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
(Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay) NGUYỄN-ĐỀ
Số 579 Ấp Tân Thới 3, xã Tân Hiệp, huyện Hòa Mân T/P HCM

DATE:
Month (Thang) 08 Day (Ngay) 07 Year (Nam) 1989

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
ĐOÀN THỊ THIẾT	09-06-1946	vợ
NGUYỄN THỊ BÍCH CHÍ	20-03-1969	con
NGUYỄN THỊ BÍCH THỦY	19-07-1971	con
NGUYỄN VĂN ĐÔNG	17-04-1973	con
NGUYỄN THỊ CUNG	03-01-1966	con
NGUYỄN VĂN KINH	18-08-1967	con

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

ADDITIONAL INFORMATION :

INTAKE FORM (Two Copies)
MAU DON VE LY-LICH

HỒ SƠ BỒ TÚC

NAME (Ten họ-nhan) : NGUYỄN ĐỀ
Last (Ten họ) Middle (Giữa) First (Ten gọi)

DATE, PLACE OF BIRTH :
(Nam, nơi sinh) Month (Thang) Day (Ngày) Year (Năm) 1934
Tháng Năm

SEX (Nam hay Nữ) : Male (Nam): Nam Female (Nữ):

MARITAL STATUS Single (Độc thân): Married (Có lập gia đình): Có
(Tình trạng gia đình): Có vợ 06 con

ADDRESS IN VIETNAM : 73/16A Bàu và Lớn Rừng
(Địa chỉ tại Việt-Nam)

POLITICAL PRISONER (Có là tù nhân tại VN hay không): Yes (Có) Có No (Không)

If Yes (Nếu có): From (Từ): 29-01-1978 To (Đến): 30-12-1978

PLACE OF P-EDUCATION: 230/A Trại K3 Xuân Lộc Bình Long Nam
CAMP (Trại tù)

PROFESSION (Nghề nghiệp): Phụ tá phòng làm việc của SCS ở Bàu và Lớn Rừng
(ex: 7th Army Engineer School Fort Belvoir) (Chức vụ)

EDUCATION IN U.S. (Du học tại Mỹ): VA 22060 USA từ ngày 20-2-69 đến 15-5-1969

VN ARMY (Quân đội VN) Rank (Cấp bậc): Trung Sĩ

VN GOVERNMENT (Trong chính phủ VN) Position (Chức vụ): Phụ tá phòng làm việc của SCS ở Bàu và Lớn Rừng
từ năm 1970 đến Date (năm): 1975

APPLICATION FOR O.D.P. (Đã có nộp đơn cho ODP): Yes (Có): Có
IV Number (Số hồ sơ): 521 L/S
No (Không): Chưa nhận được
ngày 29-7-1966

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (Số người đi theo) 077 Bưu điện
(Tên thân nhân tháp tùng) Xin ghi bên sau với đầy đủ chỉ tiêu

MAILING ADDRESS IN VN (Địa chỉ liên lạc tại VN): 65/5/9 Ấp Tân Thới 3 Xã Tân Hiệp
Huyện Hồi Môn TP HCM

NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Tên và Địa chỉ Thân nhân hay Người Bảo trợ):
Mã tài không gồm nhà. Số 14 không báo lãnh

U.S. CITIZEN (Quốc tịch Hoa-Ky): Yes (có): No (Không):

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Liên hệ với tù nhân tại VN): NGUYỄN ĐỀ

NAME & SIGNATURE:

ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
(Ten, Chu, địa, Địa chỉ và Điện thoại của người diện đơn này) 2/5

65/5/9 Ấp Tân Thới 3 Xã Tân Hiệp, Huyện Hồi Môn TP HCM

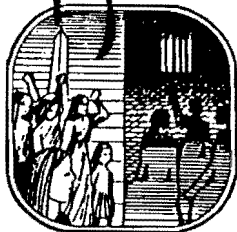
DATE: Month (Thang) 08 Day (Ngày) 07 Year (Năm) 1979

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
ĐOÀN THỊ THIẾT	9-6-1946	vợ
NGUYỄN THỊ BIỆCH CHỊ	28-03-1969	con
NGUYỄN THỊ BIỆCH THÚY?	19-07-1971	con
NGUYỄN VĂN ĐÔNG	17-04-1973	con
NGUYỄN THỊ CUNG	03-01-1966	con
NGUYỄN VĂN KINH	18-08-1967	con

DEPENDENT ADDRESS : (if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE:

IV#: _____

VEWL.#: _____

I-171#: _____ Y NO

EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYỄN Đ Đ
Last Middle First

Current Address: 5/9 Tân Thới 3, xã Tân Hiệp, Hố Nai - Hồ Chí Minh City

Date of Birth: 1934 Place of Birth: Thái Bình

Previous Occupation (before 1975) Sergeant E.
(Rank & Position) US Trainee

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 04-29-1978 To 08-30-1983
Years: 04 Months: 08 Days: _____
US Trainee

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
DOAN THI THIET	1946	wife
NGUYEN THI BICH CHI	1969	daughter
NGUYEN THI BICH THUY	1971	daughter
NGUYEN VAN DONG	1973	son
NGUYEN THE CUNG	1966	son
NGUYEN VAN KINH	1967	son

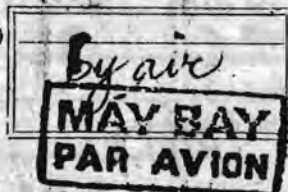
DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

BUU CHÍNH
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Administration des Postes
de la R. S. du Việt Nam



(1)



BD. 29
(29 và 292 cũ)
C. 5

Nhật ấn Bưu cục
hoàn giấy báo
Timbre du bureau
renvoyant Paris



GIẤY BÁO

Avis de (2)

Nhận
Réception

Trả tiền
Payement

Mẫu 71 - 15 X 10

- (3) { Địa chỉ: Nh. Lê Nguyễn
Adresse: 112 5/9 Tân Thới Hamlet Hồ Môn District
{ ở (d) Hồ chí Minh City nước (Pays) South Vietnam

- (1) Nếu giấy báo này hoàn lại bằng máy bay thì phải ghi rõ « Hoàn lại bằng máy bay »
Si le présent avis doit être renvoyé par avion, le revêtir de la mention très apparente « envoi par avion »
và dán lá nhãn hoặc đóng dấu màu xanh « Par avion »
et de l'étiquette ou d'une empreinte de couleur bleu « Par avion ».
- (2) Gạch bỏ phần không thích hợp (Biffer ce qui ne convient pas).
- (3) Dỡ người gửi ghi địa chỉ của họ để gửi hoàn giấy báo này.
A remplir par l'expéditeur, qui indiquera son adresse pour le renvoi du présent avis.

Chữ ký gốc ghi
A remplir par le bureau
d'origine

Bưu phẩm ghi số (1)

Lettre recommandée

ký gửi tại Bưu cục

déposé au bureau de poste

ngày

tháng

địa chỉ người nhận

Adresse du destinataire

18/10/86

Người ký tên dưới đây khai rằng bưu phẩm ghi trên đây đã phát.

Le soussigné déclare que l'envoi mentionné ci-dessus a été dûment livré

ngày

tháng

Chữ ký người nhận

Signature du destinataire (1)

Chữ ký nhân viên

Bureau de poste

Signature de l'agent

du bureau destinataire

Nhật ấn bưu cục nhận

Timbre du bureau

destinataire

HOC MON

05 01 86

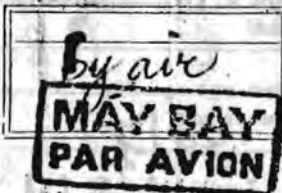
LƯU Ý : (1) Nếu phát cho người được ủy quyền, nhân viên ghi dưới chữ ký "được ủy quyền".

Nếu phát chậm ghi lý do như "Người nhận báo lần thứ 3 mới đến".

BƯU CHÍNH
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Administration des Postes
de la R. S. du Viet Nam



(1)



BD. 29
(29 và 29A cũ)

C. 5

Nhật ấn Bưu cục
hoàn giấy báo
Timbre du bureau
renvoyant l'avis



GIẤY BÁO

Avis de (2)

Nhận
Réception

Trả tiền
Payement

(3) Địa chỉ : Hà Nội
Adresse : Nº 579 Tân Phò Hamlet, Hồ Hồn District
ở (d) Hà Nội City, Parac (Pays) South Vietnam

- (1) Nếu giấy báo này hoàn lại bằng máy bay thì phải ghi rõ « Hoàn lại bằng máy bay »
Si le présent avis doit être renvoyé par avion, le revêtir de la mention très apparente « envoi par avion »
và dán lá nhãn hoặc đóng dấu màu xanh « Par avion »
et de l'étiquette ou d'une empreinte de couleur bleue « Par avion ».
- (2) Gạch bỏ phần không thích hợp (*Biffer ce qui ne convient pas*).
- (3) Người gửi ghi địa chỉ của họ để gửi hoàn giấy báo này.
A remplir par l'expéditeur, qui indiquera son adresse pour le renvoi du présent avis.

A remplir par le bureau
d'origine

Bưu phẩm ghi số (1)

Lettre recommandée

Ký gửi tại Bưu cục

déposé au bureau de poste

ngày

tháng

địa chỉ người nhận

Adresse du destinataire

*Thư Orderly Department Prison 124 Ban
Jallum Bangkok, 10120 Thailand*

Người ký tên dưới đây khai rằng bưu phẩm ghi trên đây đã phát.

Le soussigné déclare que l'envoi mentionné ci-dessus a été dûment livré

ngày

tháng

Chữ ký người nhận

Signature du destinataire (1)

Chữ ký nhân viên

Bureau de poste

Signature de l'agent

du bureau destinataire

Nhật ấn bưu cục nhận

Timbre du bureau

destinataire

A remplir à destination
du destinataire

CHÚ : (1) Nếu phát cho người được ủy quyền, nhân viên ghi dưới chữ ký được ủy quyền.
Nếu phát chậm ghi lý do như "Người nhận báo lần thứ 3 mới đến".

BỘ NỘI VỤ
Trại **Kuân lực**
Số **783** GRT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 001-OUTG, ban hành theo công văn số 2583 ngày 27 tháng 11 năm 1972

0 0 3 3 7 8 2 9 6 4
SHSLD

GIẤY RA TRẠI

CÔNG AN TP. HỒ CHÍ MINH
ĐÃ TRÌNH DIỆN.
Số **115.8**
Ngày **7** tháng **9** năm **1983**
PHÒNG CS. GŁHC VÀ TTXX

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ:

Thi hành án văn, quyết định thả số **78/23** ngày **11** tháng **08** năm **1983**

của **BỘ NỘI VỤ**

Nay cấp giấy ~~tho~~ **cho** anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh **52 Nguyễn văn Đ** Sinh năm **1936**

Các tên gọi khác

Nơi sinh **Thái bình**

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt

5/9 Tân thới, Tân hiệp, Hóc môn, TP/Hồ chí Minh

Can tội **Phản cách mạng Dân quân phục quốc**

Bị bắt ngày **29/04/1978** Án phạt **TTQT**

Theo quyết định, án văn số ngày tháng năm của

Đã bị tống án lần công thành năm tháng

Đã được giảm án lần công thành năm tháng

Nay về cư trú tại **5/9 Tân thới, Tân hiệp, Hóc môn TP/Hồ chí Minh**

Nhận xét quá trình cải tạo

Quản chỗ T2 tháng

Đương sự phải trình diện tại UBND Phường, xã:

Trước ngày **07** tháng **09** năm **1983**

Lưu tay nẹp tại chỗ
Của **Nguyễn văn Đ**
Danh bìn số
Lập tại

Tên, họ và
người trực cấp giấy

Nguyễn văn Đ

Ngày **30** tháng **08** năm **83**

P
9

Thượng uỷ: **Vũ Hằng**

Xác nhận
Tran Tung an xã Tân Nhỹ
Xã An Khê a/s có đến Tân Nhỹ
Xã Tân Nhỹ địa phương xã Tân Nhỹ
Tân Nhỹ - 05/09/1989
Em/Bro/Xã
phủ công an.

XÁC NHẬN SỐ 150/TH
Chức vụ công an xã
là công.

Em/Bro/Xã



Nguyễn Văn Công

Nguyễn Văn Công có tên mình
ngày 18/5/1983

Tên thật ngày 18/5/1983
TM. Ban chấp

phục

Liệu Văn Bấy (tên thật)

- Chứng nhận RHH/Đ
- A/s có đến Tân Nhỹ tại
Đoàn mi huyện Hóc Môn
Được tạm trú đến ngày
19/02/1983 hết hạn.

Ngày 19/07/1983
TM. Ban chấp mi huyện



Trung Tâm Văn Hóa Xã Hội

BỘ NỘI VỤ
Trại Kùan Lặc

Số 783 GRI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 061-OUTG, ban hành theo công văn số 2583 ngày 27 tháng 11 năm 1972

0 0 3 3 7 8 2 9 6 4

SHSLD

CÔNG AN TP. HỒ CHÍ MINH
ĐÃ TRÌNH DIỄN.

Số 1158

Ngày 7 tháng 9 năm 1983
PHÒNG CS. GLHC VÀ TTXH

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ:

Thủ lệnh án văn, quyết định tha số 78/29

ngày 11 tháng 08 năm 1983

của **BỘ NỘI VỤ**

Máy cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên ~~sinh~~ **59** **Nguyễn văn Đ**

Sinh năm 19 36

Các tên gọi khác

Nơi sinh **Thái bình**

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt

5/9 Tân thới, Tân hiệp, Hóc môn, TP/Hồ chí Minh

Cán tội **Phản cách mạng Dân quân phục quốc**

Bị bắt ngày **29 /04 /1978**

Án phạt **TTQT**

Theo quyết định, án văn số

ngày

tháng

năm

của

Đã bị tăng án

lần công thành

năm

tháng

Đã được giảm án

lần công thành

năm

tháng

Nay về cư trú tại

5/9 Tân thới, Tân hiệp, Hóc môn TP/Hồ chí Minh

Nhận xét quá trình cải tạo

Quản chế 12 tháng

Đương sự phải trình diện tại UBND Phường, xã:

Trước ngày 07 tháng 09 năm 19 83

Lưu tay neon từ thời
Của **Nguyễn văn Đ**

Danh bìn số

Lập tại

Họ tên, chữ ký
người được cấp giấy

Nguyễn văn Đ

Nguyễn văn Đ

Ngày 30 tháng 08 năm 19 83



Thượng úy: **Vũ Hằng**

Xã nhân
phần tổng an xã Tân Hưng
Xã nhân đ/s cũ đến năm giêng
tại tại địa phương là ở đây
Tân Hưng - 05/09/1989
Em/bên/xã
phần tổng an

XÁC NHẬN SỐ 1560/TH

Sông

Sông/Thị trấn

Madum
Đoàn văn Emig



Nguyễn Văn A ở xã Tân Hưng
ngày 13/9/83

Tam thời ngày 13/9/83
Tân Hưng

phần

Liệu văn Bấy (thị trấn)

- Chứng nhận KH/D
- Đ/s cũ đến thời tại
Đoàn an huyện Hồ Chí Minh
Đoàn tại tại địa phương
19/12/83 hết hạn

Ngày 10/07/83
TM. Ủy ban huyện



Trung tá Lê Văn Bấy

THAY ĐỔI CHỖ Ở CẢ HỘ

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Từ ngày tháng năm

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Ký tên, đóng dấu

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Từ ngày tháng năm

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Ký tên, đóng dấu

T-H

NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN

HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số : 388666 CN

Họ và tên chủ hộ : *Đoàn Văn Kiệt*

Ấp, ngõ, số nhà : *5/7*

Thị trấn, đường phố : *Ấp Tân An*

Xã, phường : *Cần Hiệp*

Huyện : *Huế Môn*

Ngày 12 tháng 03 năm 1954

Trưởng công an : *Nguyễn Văn*

(Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên)



Số NK 3

Trưng Tà Lê Minh Phương

NHỮNG NGƯỜI THƯỜNG TRÚ TRONG HỘ

Số thứ tự	HỌ VÀ TÊN	Quan hệ với chủ hộ	Nam hay nữ	Ngày tháng năm sinh	Số giấy CMND	Nghề nghiệp và nơi làm việc	Ngày tháng năm đăng ký nhân khẩu thường trú	Ngày tháng năm và nơi chuyển đi	Tên căn hộ ĐKNK
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
01	Trần Văn Toại	Chủ hộ	Nữ	1946	21467617	Làm ruộng	01-01-77		
02	Nguyễn Thế Hùng	Con	Nam	1956	021745378		01-01-77	ĐI XNK TP HCM 1/82	
03	Nguyễn Văn Linh	Con	Nam	1967	02145027		01-01-77	ĐI XNK TP HCM 3/82	
04	Nguyễn Thị Bích	Con	Nữ	1969	022060191		01-01-77		
05	Nguyễn Thị Bích	Con	Nữ	1971	012060422		01-01-77		
06	Nguyễn Văn Dũng	Con	Nam	1973	022061135		01-01-77		
7	Nguyễn Thị Cường	Con	Nam	1964			22/8/86		
8	Nguyễn Văn Đức	Con	Nam	1936	022690596		30-12-86		
9	Nguyễn Thị Hương	Con	Nam	1966	021745378		20-02-89		
10	Nguyễn Văn Kiên	Con	Nam	1967			9-5-89		



THAY ĐỔI CHỖ Ở CÁ HỘ

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Từ ngày tháng năm

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Ký tên, đóng dấu

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Từ ngày tháng năm

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Ký tên, đóng dấu

T.H

NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN

HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số : 388666 CN

Họ và tên chủ hộ : *Nguyễn Văn Thọ*

Ấp, ngõ, số nhà : *Ấp Tân Thọ*

Thị trấn, đường phố : *Đường Nguyễn Huệ*

Xã, phường : *Phường Bến Nghé*

Huyện : *Huyện Bình Thạnh*

Ngày 12 tháng 03 năm 1954

Trưởng công an : *Nguyễn Văn Thọ*

(Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên)



Số NK 3 :

Trưng Tà Lê Minh Phương

NHỮNG NGƯỜI THƯỜNG TRÚ TRONG HỘ

Số thứ tự	HỌ VÀ TÊN	Quan hệ với chủ hộ	Nam hay nữ	Ngày tháng năm sinh	Số giấy CMND	Nghề nghiệp và nơi làm việc	Ngày tháng năm đăng ký nhân khẩu thường trú	Ngày tháng năm và nơi chuyển đi	Tên căn hộ ĐK NK
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
01	Đoàn Văn Thỉnh	Chủ hộ	Nam	1946	21267617	Lưu hương	21-01-77		
02	Nguyễn Thế Chung	Con	Nam	1966	021745378		21-01-77	ĐXNK TP. Hồ Chí Minh 01/1/92	
03	Nguyễn Văn Đình	Con	Nam	1967	02195777		01-01-77	ĐXNK TP. Hồ Chí Minh 01/3/92	
04	Nguyễn Thị Bích	Con	Nữ	1969	022060190		01-01-77		
05	Nguyễn Thị Bình	Con	Nữ	1971	011060172		21-01-77		
06	Nguyễn Văn Dũng	Con	Nam	1973	022061135		21-01-77		
7	Nguyễn Thị Cường	Con	Nam	1964			22/8/86		
8	Nguyễn Văn Hùng	Con	Nam	1936	022690596		30-12-86		
9	Nguyễn Thị Hương	Con	Nam	1966	021745378		26-02-89		
10	Nguyễn Văn Kiên	Con	Nam	1967			9-5-89		



VIỆT NAM CỘNG-HOA

TỐI-CAO PHÁP-VIÊN

TÒA THƯỢNG - THẨM
SAIGON

TÒA HÒA-GIẢI QUẬN
THỐT-NỐT
ANGIANG

(1) Ngày 10-5-1972
Giấy thế vì khai-sanh
cho Nguyễn-Dộ

(1 số) 1819/CT/



TRÍCH-LỤC VĂN-KIỆN THE-VÌ HỘ-TỊCH LƯU-TRỮ TẠI PHÒNG
LỤC SỰ TÒA HÒA GIẢI QUẬN THỐT-NỐT - ANGIANG

Một bản chánh giấy thế - vì Khai-sanh
cấp cho Nguyễn-Dộ
do Ông Nguyễn-Minh-Tân, Quận-Trưởng Kiêm Thẩm-Phán Tòa
Hòa Giải Quận Thốt-Nốt - ANGIANG, cấp ngày 10-5-1972
và đã trước-bộ.

TRÍCH RA NHƯ SAU ĐÂY :

Những nhân chứng này, sau khi nghe đọc điều 16 của Nghị Định
ngày 17 - 11 - 1947 của Thủ-Tướng Chánh-Phủ Lâm-thời Nam-Phân Việt-Nam
và điều 363 và kế tiếp Hình - Luật Canh-Cải sửa đổi bởi Sắc-Lệnh ngày
1-12-1972 và sau khi tuyên thệ, quả quyết và biết chắc rằng:

- NGUYỄN - DỘ, nam, sinh năm 1934 tại xã Nội-Hang,
(Thái-Bình) con của Nguyễn-Doá (chết) và Phạm-thị-Ngọc (sống).

Duyên cớ mà đương-dân không thể xin sao-lục khai-sanh
được là vì bộ sanh năm 1934 tại nơi nổi trộm đã bị thiếu-hủy
vì chiến-tranh./—

Lệ Phí : 15000

(1) Lập lại sổ, ngày tháng và
chữ trên đây mỗi khi xin trích lục

TRÍCH LỤC V THEO BẢN CHÁNH

Thốt-Nốt, ngày 08 tháng 10 năm 1972



THI-VĂN-CHÀ

VIỆT NAM CỘNG-HOA
TỐI-CAO PHÁP-VIÊN
TÒA THƯỢNG - THẨM
SAIGON

TÒA HÒA-GIẢI QUẬN
THỐT-NỐT
ANGIANG

(1) Ngày 10-5-1972
Giấy thế vì khai-sanh
cho Nguyễn-Dệ

(1 số) 1819/CT/



TRÍCH-LỤC VẤN-KIỆN THỂ-VÌ HỘ-TỊCH LƯU-TRỮ TẠI PHÒNG
LỤC SỰ TÒA HÒA GIẢI QUẬN THỐT-NỐT - ANGIANG

Một bản chánh giấy thế - vì Khai-sanh
cấp cho Nguyễn-Dệ
do Ông Nguyễn-Minh-Tâm, Quận-Trưởng Kiêm Thân-Phán Tòa
Hòa Giải Quận Thốt-Nốt - ANGIANG, cấp ngày 10-5-1972
và đã trước-bạ.

TRÍCH RA NHƯ SAU ĐÂY :

Những nhân chứng này, sau khi nghe đọc điều 16 của Nghị Định
ngày 17 - 11 - 1947 của Thủ-Tướng Chánh-Phủ Lâm-thời Nam-Phân Việt-Nam
và điều 363 và kế tiếp Hình - Luật Canh-Cải sửa đổi bởi Sắc-Lệnh ngày
1-12-1952 và sau khi tuyên thệ, quả quyết và biết chắc rằng:

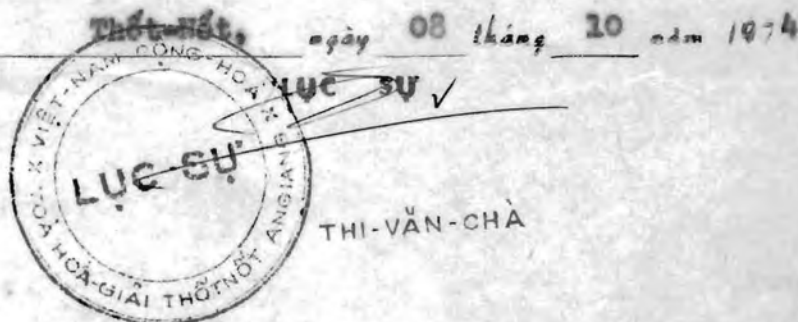
- NGUYỄN - DỆ, nam, sanh năm 1934 tại xã Nội-Hang,
(Thái-Bình) con của Nguyễn-Doá (chết) và Phạm-thị-Ngọc (sống).

Duyên cớ mà đương-dơn không thể xin sao-lục khai-sanh
được là vì họ sanh năm 1934 tại nơi nói trên đã bị thiếu-hủy
vì chiến-tranh./--

TRÍCH LỤC V THEO BẢN CHÁNH

Lệ Phí : 15000

(1) Lập lại số, ngày tháng và
năm trên đây mỗi khi xin trích lục



VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH HAY THÀNH-PHỐ

TỈNH GIA-DINH

QUẬN: HỒC-MÔN

XÃ: TÂN-HIỆP

Số hiệu: 027

TRÍCH - LỤC
CHỨNG-THƯ HÔN-THƯ

Tên, họ người chồng NGUYỄN - QU

nghe-nghiep QUANG-NHÂN

sinh ngày / tháng / năm 1934

Nội-Nang, Kiên-Anung

cư-sở tại KBC.4.226

tạm-trú tại

Tên, họ cha chồng NGUYỄN - ĐOÀ (s)

(Sống chết phải ghi rõ)

Tên, họ mẹ chồng PHẠM-THỊ-NGỌC (s)

(Sống chết phải ghi rõ)

Tên, họ người vợ ĐOÀN - THỊ - THIẾT

nghe-nghiep NỘI-TR

sinh ngày chín tháng sáu năm 1945

tại Lương-Hội, Hưng-Yên

cư - sở tại KBC.4.226

tạm-trú tại

Tên, họ cha vợ ĐOÀN-van-thu (s)

(Sống chết phải ghi rõ)

Tên, họ mẹ vợ PHẠM-THỊ-HUY (s)

(Sống chết phải ghi rõ)

— Ngày cưới Mười sáu tháng mười dl 1963

— Vợ chồng khai có hay không lập hôn-kế

ngày tháng năm

tại

Trích y bốn chánh

Tân-hiệp, ngày 21 tháng 10 năm 1963

Viên-chức Hộ tịch

CHỨNG-THẬT

Chữ ký của hội-đồng xã

Đã ký tên đây.

HỒC-MÔN, ngày 21 / 10 / 1963

TỈNH QUÂN-TRƯỞNG

PHÓ QUÂN-TRƯỞNG



PHÂN-QUẢN-CHẤT

CHUNG THỰC CHU KÝ
của Hội-Viện Hộ-Tịch
Tân-Hiệp



YÊN-NGỌC-AM
Hội-Viện Cảnh Sát

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH HAY THÀNH-PHỐ

Tỉnh Gia-Dinh

QUẬN: Hóc-Mon

XÃ: Tân-Hiệp

Số hiệu: 027

Hồ sơ quân nhân



TRÍCH - LỤC CHỨNG-THƯ HÔN-THU

Tên, họ người chồng NGUYỄN - Đ

nghề nghiệp Quân nhân

sinh ngày / tháng / năm 1934

Nội Nam, Kiên-Xương

cư-sở tại -KBC.4.226

tạm-trú tại

Tên, họ cha chồng NGUYỄN - ĐOÀ (a)

(Sống chết phải ghi rõ)

Tên, họ mẹ chồng PHẠM THỊ-HOOC (o Bào Phan)

(Sống chết phải ghi rõ)

Tên, họ người vợ ĐOÀN THỊ-THIỆT

nghề-nghiệp Nội trợ

sinh ngày Chín tháng sau năm 1946

tại Lương Hoi, Hưng-Yên

cư - sở tại -KBC.4.226

tạm-trú tại

Tên, họ cha vợ ĐOÀN VĂN-THU 38 tuổi

(Sống chết phải ghi rõ)

Tên, họ mẹ vợ PHẠM THỊ-HUY 43 tuổi

(Sống chết phải ghi rõ)

— Ngày cưới Mười sáu, tháng mười DL 1963

— Vợ chồng khai có hay không lập hôn-khế

ngày tháng năm

tại

Trích y bản chính hôn thu năm 1963

Tân-Hiệp, ngày 20 tháng 3 năm 1965

Viên-chức Hộ tịch

CHỦ-TRICH



CHỨNG-THẬT

Chữ ký của Ủy-Ban Hành-Chánh

xã Tân-Hiệp

Đã ký: Thien đây

HOC-MON, ngày 23 / 3 / 1965

T.Ư.QUẬN-TRƯỞNG



NGUYỄN-VĂN-LI KONG

CONTROL

____ Card
____ Doc. Request; Form
____ Release Order
____ Computer
____ ~~X~~ Form "D"
____ ODP/Date _____
____ Membership; Letter

8/25